

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 - 2019

V/v: Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Bà Nguyễn Thị Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1974, Địa chỉ: Cụm 3, thôn H, L, Đan Phượng, Hà Nội, có mặt.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Cụm 3, thôn H, Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 24/12/1999. Sau khi cưới chị T về nhà anh sinh sống. Vợ chồng sống chung cùng gia đình khoảng 01 năm thì bố mẹ anh cho vợ chồng ra ăn ở riêng. Bố mẹ anh làm sẵn nhà cho vợ chồng ở, không phải xây dựng phát triển gì thêm. Chị T ở nhà, còn anh đi lái máy xúc ở Cầu Giấy, Hà Nội, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Do công việc bận nên thời gian anh về thăm gia

đình không cố định, lúc vào ban ngày, lúc vào ban đêm. Năm 2001 khi anh về thăm gia đình vào ban đêm anh phát hiện chị T đang ngủ với người đàn ông lạ trong nhà. Anh đã đuổi người đàn ông đó về, chị T thừa nhận có quan hệ tình cảm với người đàn ông đó. Năm đó bố anh mất, chị T xin lỗi anh và gia đình, hứa sửa chữa nên anh đã tha thứ cho lỗi lầm của chị T. Sau đó chị T không thay đổi, vẫn có biểu hiện quan hệ tình cảm với nhiều người đàn ông khác. Anh nhiều lần khuyên bảo chị T không nên quan hệ tình cảm bên ngoài, ảnh hưởng đến gia đình, con cái. Gia đình hai bên biết chị T không chung thủy, có động viên khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi. Vợ chồng mâu thuẫn liên tục từ năm 2001 đến năm 2013. Ngày 10/02/2013 chị T đòi hầu đồng nhưng anh không đồng ý nhưng chị T vẫn hầu đồng. Sau khi đi nhảy đồng về, tối hôm đó chị T về nhà, vợ chồng xô sát, chị T gấp quần áo bỏ nhà đi, sau đó lại về sống với gia đình. Ngày 01/6/2013 chị T bỏ nhà đi chơi cả ngày đến khoảng 8 giờ tối mới về nên vợ chồng lại mâu thuẫn, chị T lại gấp quần áo bỏ nhà đi. Sau đó chị T làm đơn ra Tòa án xin ly hôn, được Tòa án phân tích hòa giải, vợ chồng đoàn tụ nhưng sau đó lại phát sinh mâu thuẫn. Chị T thường xuyên bỏ nhà đi, lúc ở cùng chồng, con, lúc lại đi ở chỗ khác, ở chỗ nào anh không biết, chị T đi đâu anh và các con cũng không biết. Mọi việc trong gia đình, chăm sóc con cái do anh lo liệu. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, anh không còn tình cảm với chị T, anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 27/9/2000 (đã thành niên); Nguyễn Đình Q, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 16/7/2007. Do chị T lúc ở nhà, lúc ở chỗ khác, không ổn định, việc chăm sóc các con do anh lo liệu, anh có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi các con nên ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu H.

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị T không xây dựng phát triển được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Anh không có công sức yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

- *Về bị đơn chị Nguyễn Thị T*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị T đến làm việc, nhưng chị T không đến trình bày ý kiến. Tiến hành xác minh tại UBND xã Liên Trung và Công an xã Liên Trung xác định chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại cụm 3, thôn H, xã L, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án chị T hiện đang sinh sống tại xã Liên Trung. Do chị T không đến làm việc nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật đối với chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên toà, anh Nguyễn Đình S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T ly thân từ năm 2013, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, anh xin ly hôn chị T. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn

Đình H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu H. Vợ chồng không có tài sản chung. Về công sức: không có. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Đình S khởi kiện xin được ly hôn chị Nguyễn Thị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Đình S được ly hôn chị Nguyễn Thị T; giao cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 12/8/2003 và cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 16/7/2007 cho anh S nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Đình S có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú ở cụm 3, thôn Hạ, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo qui định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không hòa giải được. Căn cứ Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 12/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa ấn định thời gian xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Đình S và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 24/12/1999 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh S, chị T chung sống cùng gia đình khoảng 01 năm thì ra ăn ở riêng. Tình cảm vợ chồng trong cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh S cho rằng vợ chồng hạnh phúc đến năm 2001 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị T quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã bỏ qua và cùng gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình nhưng chị T không thay đổi. Vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, mỗi lần vợ chồng cãi nhau chị T lại bỏ nhà đi sau đó lại về, về rồi lại đi, chị T đi đâu, ở đâu anh không biết. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh S

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T. Mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng anh S, chị T mâu thuẫn từ năm 2013 đến nay, tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Tòa án đã báo gọi chị T đến Tòa án làm việc nhưng chị T không đến. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị T không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi Tòa án. Xét thấy, cuộc sống chung của anh S và chị T không có hạnh phúc, chị T không có ý thức vun vén hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình S xin ly hôn chị Nguyễn Thị T là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Xác định anh Nguyễn Đình S và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Nguyễn Đình L, sinh ngày 27/9/2000 (đã thành niên); Nguyễn Đình Q, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Đình H, sinh ngày 16/7/2007. Xét thấy, cháu Nguyễn Đình L đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Khi ly hôn anh Nguyễn Đình S có nguyện vọng nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình H, còn chị Nguyễn Thị T quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gửi Tòa án nên Tòa không biết nguyện vọng của chị T về nuôi con. Cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình H đều trình bày nguyện vọng muốn ở với bố. Hiện tại cháu Q và cháu H được anh S nuôi dưỡng đảm bảo nên giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình H cho anh Nguyễn Đình S nuôi là phù hợp với qui định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

Anh Nguyễn Đình S không yêu cầu chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị T cho đến khi anh Nguyễn Đình S có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, về nợ: Anh Nguyễn Đình S trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Do chị Nguyễn Thị T vắng mặt, không có bản tự khai và không có ý kiến gì về những vấn đề nêu trên, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, công sức, về nợ của anh S và chị T trong vụ án này. Sẽ giải quyết về tài sản chung, công sức, về nợ (nếu có) bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Đình S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Đình S

Xử anh Nguyễn Đình S được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Đình S nuôi cháu Nguyễn Đình Q, sinh ngày 12/8/2003 và cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 16/7/2007 cho đến khi cháu Nguyễn Đình Q và Nguyễn Đình H mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Nguyễn Đình S không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị T cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về công sức, về nợ chung: Anh Nguyễn Đình S xác định không có, chị Nguyễn Thị T không có ý kiến gửi Tòa án nên không giải quyết về tài sản chung, công sức, về nợ của anh S và chị T trong vụ án này. Sẽ giải quyết về tài sản chung, về công sức, về nợ (nếu có) bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Án phí: Anh Nguyễn Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010309 ngày 25/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đình S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Liên Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Liên Trung ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA